

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2018/HS - ST

Ngày 28 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần M Hùng và bà Bàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ; Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Năm; Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Hội T1 xét xử - Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 132/2018/TLST- HS, ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2018/QĐXXST- HS ngày 05/11/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy K; tên gọi khác: Không; sinh ngày 28/3/1991 tại Quảng Yên, Quảng Ninh; nơi cư trú: Khu N, phường M, thị xã Y, tỉnh N; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn T8, sinh năm: 1960 và bà Lê Thị X (A), sinh năm: 1962; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 04/01/2018 hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N, có mặt.

2. Lê Văn M, tên gọi khác: Không; sinh ngày 30/5/1992 tại Cẩm Phả, Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 4, khu T9, phường T, thành phố P, tỉnh N; nghề nghiệp: Lái xe taxi; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm: 1963 và bà Cao Thị H3, sinh năm: 1972; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/01/2018 hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N, có mặt.

3. Đặng Tùng D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 25/5/1995 tại Cẩm Phả, Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 3, khu 6C, phường T13, thành phố P, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Đặng Văn T11, sinh năm:

1960 và bà bà Nguyễn Thị T12, sinh năm: 1967; có vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1995, chưa có con; tiền án: Ngày 27/11/2015, Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 10/6/2017 chấp hành xong hình phạt tù; bị bắt tạm giam ngày 04/01/2018, hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng Anh Đinh Thế T1, Anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị L, Anh Nguyễn Bá T2, Anh Vũ QuAg T3, Anh Võ Công S, Anh Vương Tiến H1, chị Triệu Bích N, chị Trần Thị Tổ U, chị D Thị H2, Anh Trần Xuân T4, Anh Đỗ Văn T5, Anh Trần Công M, chị Nguyễn Thị T6, Anh Trần Đình T7 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 01/01/2018 Nguyễn Duy K và Lê Văn M đã có hai lần bán trái phép chất ma túy cho Đinh Thế T1 cụ thể lần thứ nhất vào khoảng 22 giờ tại quán Karaoke A, thuộc tổ 3, khu 8, phường T14, thành phố P, tỉnh N bán 01 túi ma túy Ketamine giá 1.000.000đồng; lần thứ hai: Vào khoảng 23 giờ tại quán Karaoke A, thuộc tổ 6, khu 5, phường T14, thành phố P, tỉnh N, bán 05 viên thuốc lắc với giá 2.400.000đồng. Tiếp đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 02/01/2018 tại quán Karaoke A, Đặng Tùng D đã bán trái phép cho Nguyễn Quốc V 04 túi ma túy Ketamine với giá 2.000.000đồng để V, T1 và bạn bè sử dụng. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày thì bị Công an tỉnh N bắt giữ các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra trước đó từ tháng 11/2017 đến tháng 12/2017 tại tổ 7, khu T15, phường B và tại tổ 5, khu 6C, phường T14, thành phố P, tỉnh N, Nguyễn Duy K và Lê Duy M đã có 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Đinh Thế T1 mỗi lần 01 túi ma túy Ketamine với giá từ 1.000.000đồng đến 2.000.000đồng để T1 sử dụng.

Vật chứng thu giữ là 0,292gam Ketamine; 01 đĩa sứ; 01 thẻ nhựa; 02 ống hút; thu của D 02 điện thoại di động Iphone; thu của M 01 điện thoại di động Iphone; thu của K 01 điện thoại di động Sam Sung; Ngoài ra còn thu của Nguyễn Thị L tự nguyện giao nộp 1.800.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số 75/GĐMT ngày 05/01/2018, của phòng kỹ thuật hình sự Công A tỉnh N, kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon thu tại nền nhà ở chân bàn (kí hiệu M1), khối lượng 0,292 gam; Chất tinh thể màu trắng dạng vệt trong các túi nilon và trên đĩa sứ thu trong phòng (kí hiệu M2, M3, M4, M5, M7) không xác định được khối lượng, đều là ma túy, loại Ketamine; Chất tinh thể màu trắng dạng vệt trong túi nilon (M6) là ma túy, loại Methamphetamine, Ketamine, không xác định được khối lượng. Hoàn lại sau giám định 01 đĩa sứ hình bầu dục; Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Đinh Thế T1, Đặng Tùng D, Nguyễn Quốc V, Trần Đình T7, Nguyễn Thùy L (tức Triệu

Bích N), D Hải A (tức D Thị H2), Nguyễn Bá T2, Võ Công S, Vương Tiến H1, Vũ Quang T3, Trần Tổ U (tức Trần Thị Tổ U) gửi giám định có chất ma túy, loại Methamphetamine, MDMA và sản phẩm chuyển hóa của Ketamine; Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Trần Xuân T4, Nguyễn Thị L gửi giám định, không có thành phần ma túy.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận như sau:

Bị cáo Nguyễn Duy K có lời khai thể hiện: K với M, T1 quen biết nhau, không có mâu thuẫn. Thông qua việc đi xe taxi L nên K quen biết M từ tháng 11/2017, K bàn với M nếu có ai mua ma túy thì K bảo M đi giao và sẽ trả cho M tiền taxi và tiền công từ 100.000đồng đến 200.000đồng. M đồng ý nên đã cùng K bốn lần bán ma túy cho T1 cụ thể như sau: Vào khoảng 22 giờ một ngày tháng 11/2017 T1 điện thoại cho K hỏi mua 1.000.000đồng ma túy Ketamine. K điện thoại và nhắn tin cho M biết số điện thoại của T1 và bảo M đến quán Karaoke Zone 9 gặp T1 lấy 1.000.000đồng mang về cho K. M đưa tiền thì K đưa cho M 01 túi ma túy Ketamine được gói trong giấy hóa đơn bảo M đưa cho T1; Lần khác vào khoảng 02 giờ một ngày giữa tháng 12/2017, K nhận điện thoại của T1 hỏi mua 2.000.000đồng ma túy Ketamine và bảo mang đến quán Karaoke T. K bảo M chở đến quán Karaoke T16 bán cho T1 01 túi ma túy Ketamine giá 2.000.000đồng; Và trong ngày 01/01/2018, vẫn sử dụng hình thức liên lạc bằng điện thoại, K bảo M lấy tiền trước từ T1, khi M đưa tiền cho K thì K đưa ma túy cho M bán hai lần cho T1: Lần thứ nhất vào khoảng 22 giờ tại quán Karaoke A bán 01 túi ma túy Ketamine giá 1.000.000đồng; lần thứ 2: Vào khoảng 23 giờ tại quán Karaoke A bán 05 viên thuốc lắc với giá 2.400.000đồng. Nguồn gốc số ma túy bán cho T1 vào tháng 11 và tháng 12/2017, K mua của người tên M1; Số ma túy bán cho T1 ngày 01/01/2018, K mua của T17, T17 chỉ đạo K nhận ma túy trực tiếp từ L. K bán ma túy cho T1 bằng giá mua vì T1 là bạn của K. Khi bị bắt Công an kiểm tra đã thu giữ của K 01 điện thoại di động SamSung K đã sử dụng vào việc bán ma túy.

Bị cáo Lê Văn M khai nhận: M quen biết K từ tháng 11/2017, do K là khách đi xe. K có bàn với M giúp K bán ma túy, K sẽ trả công mỗi lần từ 100.000đồng đến 200.000đồng, M đồng ý. Do đó M đã bốn lần giúp K bán ma túy cụ thể là: Một ngày của tháng 11/2017 nhận tiền và bán ma túy Ketamine cho T1 tại quán Karaoke 9 với giá 1.000.000đồng; Một ngày của tháng 12/2017 tại quán Karaoke T bán cho T1 01 túi ma túy Ketamine giá 1.000.000đồng; Ngày 01/01/2018, theo sự phân công của K đã hai lần bán ma túy: Vào khoảng 22 giờ tại quán Karaoke A bán cho T1 1.000.000đồng ma túy Ketamine; Đến khoảng 23 giờ cùng ngày tại quán Karaoke A có T1 và một nam thành niên đứng gần T1, M bán cho T1 05 viên thuốc lắc giá 2.400.000đồng. Hai lần trước ngày 01/01/2018, sau mỗi lần giúp K bán ma túy, M được K trả mỗi lần

100.000đồng. Còn 02 lần bán của ngày 01/01/2018, K trả cho M 200.000đồng. Tổng cộng, M được K trả công 400.000đồng. Khi bị Công an phát hiện thu giữ của M 01 chiếc điện thoại di động Iphone là chiếc điện thoại M sử dụng bán ma túy. Trước phiên tòa, M đã tác động gia đình nộp 400.000đồng tại chi cục thi hành án dân sự thành phố P để tự nguyện sửa chữa khắc phục hậu quả.

Bị cáo Đặng Tùng D có lời khai: D và Nguyễn Quốc V là bạn xã hội. Khoảng 22 giờ ngày 01/01/2018, V đến qua “D ốc” của gia đình D tại tổ 3, khu 6C, phường T14 nhờ D mua ma túy Ketamine. D nói chỗ “Ke” của bạn D còn 3.000.000đồng, V nói đề bàn với các bạn có gì gọi điện lại. Đến 23 giờ cùng ngày V điện thoại mời D đến quán Karaoke A, D đến một lúc rồi về. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 02/01/2018, D nhận được điện thoại của V bảo còn 1.000.000đồng nên chỉ mua 02 túi ma túy Ketamine. D nói đAg cầm của bạn 04 túi nên V trả giá thể không có tiền bù. Sau đó V điện thoại thống nhất với D 04 túi ma túy Ketamine giá 2.000.000đồng, D đồng ý. Sau đó, D cùng vợ là Nguyễn Thị L đến quán Karaoke a. Tại cửa phòng số 1, tầng 1, V đưa D 1.800.000 đồng, D đưa V 04 túi ma túy Ketamine và nói với V “thiếu 200.000đồng, ngày mai phải trả nốt”. D đưa tiền cho L cầm, nhưng không nói là tiền bán ma túy cho V, rồi vợ chồng D vào phòng hát. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, thì bị Công an tỉnh N kiểm tra thu giữ vật chứng, thu của D 02 điện thoại di động Iphone, trong đó chiếc điện thoại có số thuê bao 0942 551 995 D sử dụng vào liên lạc bán ma túy, chiếc còn lại không liên quan đến việc phạm tội. Nguồn gốc 04 túi ma túy Ketamine bán cho V do D mua của H (không rõ lai lịch) vào tháng 6/2015, tại khu vực bến xe B 01 túi ke, giá 6.000.000đồng, rồi đem về nhà chia thành nhiều túi nhỏ. D cất 04 túi ke trên nóc tủ quần áo, số còn lại để trong túi xách. Sáng ngày 10/6/2015, bị Công an bắt thu giữ số ma túy trong túi xách, còn số ma túy trên nóc tủ quần áo không bị phát hiện, thu giữ. Đến đêm ngày 01/01/2018, D đã bán số ma túy này cho V.

Các bị cáo tỏ ra ân hận về hành vi phạm tội của mình và khẳng định việc Viện kiểm sát truy tố, Tòa án xét xử các bị cáo K, M hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự (BLHS); bị cáo D bị truy tố hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của BLHS là đúng người, đúng tội không oa.

Người làm chứng Đinh Thế T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai thể hiện: Ngày 01/01/2018 tại quán Karaoke A, T1 cùng D, T2, T4, V, Đinh T7, H, Quang T3, S và nhân viên của quán là U, L, H, sử dụng ma túy và nhảy theo nhạc sàn công suất lớn. Được sự thống nhất của các bạn nên T1 đã tìm chỗ mua ma túy Ketamine để cùng các bạn sử dụng. Qua bạn bè ngoài xã hội T1 biết K có ma túy bán, từ giữa tháng 11/2017 đến ngày 01/01/2018, T1 có 04 lần mua ma túy của K. Khi mua ma túy của K, T1 sử dụng

điện thoại liên lạc với K để thống nhất giá cả, số lượng, loại ma túy cần mua. Sau đó K bảo người lái taxi hãng L sau này biết tên là Lê Văn M liên lạc với T1 qua điện thoại và đến chỗ T1 lấy tiền về đưa cho K rồi mang ma túy bán cho T1. Bằng hình thức giao dịch trên T1 đã mua ma túy của K và M 04 lần đó là vào một ngày tháng 11 năm 2017 mua 1.000.000đồng, một ngày tháng 12 năm 2017 mua 2.000.000đồng; vào khoảng 22 giờ ngày 01/01/2018 tại quán Karaoke A, mua 1.000.000đồng và vào khoảng 23 giờ ngày 01/01/2018 tại quán Karaoke A mua 05 viên thuốc lắc giá 2.400.000đồng. Đến ngày 02/01/2018 thì bị Công an kiểm tra xử phạt hành chính.

Người làm chứng Nguyễn Quốc V vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai thể hiện: Tối ngày 01/01/2018, tại cửa phòng số 1, tầng 1 quán Karaoke A, V mua của D 04 túi ma túy Ketamine với giá 2.000.000đồng nhưng vì chưa có đủ tiền nên chỉ đưa cho D 1.800.000đồng và nợ lại 200.000đồng. Mục đích V mua ma túy để V và các bạn cùng sử dụng.

Người làm chứng Vũ Quang T3 tại cơ quan điều tra có lời khai: Ngày 01/01/2018 Trung cùng T1 ra cổng quán Karaoke A để mua ma túy. Khi T1 đến trao đổi với người nam giới lái taxi 731731 thì T3 đứng cách đó vài bước nhưng không nghe thấy T1 và người đó nói gì. T3 thấy người lái taxi đưa cho T1 01 túi nilon thì T3 lại gần bảo T1 đưa T3 cầm vào phòng cho, T1 đưa T3 01 túi nilon có chứa 05 viên thuốc lắc rồi T3 cầm vào phòng hát số 1, tầng 1 quán Karaoke A để cùng mọi người sử dụng.

Người làm chứng Nguyễn Thị L có lời khai thể hiện: L là vợ của D. Tối ngày 01/01/2018, V đến quán của gia đình trao đổi với D việc gì, L không biết. Sau đó L cùng D đến quán Karaoke A, tại cửa phòng số 1, tầng 1 D và V nói gì với nhau Luyến không nghe thấy, rồi D đưa cho L tiền bảo cất đi và không nói cho L biết đó là tiền gì. L không biết đó là tiền bán ma túy, không tham gia sử dụng, không tham gia bán ma túy.

Tại bản cáo trạng số: 139/CT - VKSCP, ngày 24/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố các bị cáo Nguyễn Duy K, Lê Văn M ra trước Tòa án nhân dân thành phố P để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của BLHS; Bị cáo Đặng Tùng D tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS.

Kiểm sát viên trình bày luận tội đưa ra các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy K, Lê Văn M và Đặng Tùng D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Đối với các bị cáo K, M áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s (bị cáo M áp dụng thêm điểm b) khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 04/01/2018; xử phạt Lê Văn M từ 4

năm 6 tháng đến 5 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/01/2018. Đối với bị cáo D, áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 27 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/01/2018.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sù, 01 thẻ nhựa, 02 ống hút nhựa; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone gắn sim số: 0942 511 995 của Đặng Tùng D; 01 điện thoại di động Iphone của Lê Văn M; 01 điện thoại di động SamSung của Nguyễn Duy K; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 1.800.000đồng là tiền D bán ma túy và 400.000đồng M thu lời bất chính; Trả cho Đặng Tùng D 01 điện thoại di động Iphone gắn sim số: 0963 978 520.

Đối với: Đối tượng tên T8, T18 và L là người bán ma túy cho K và H là người bán ma túy cho D, không rõ lai lịch, địa chỉ, nên không có cơ sở để điều tra làm rõ; Nguyễn Quốc V, Đinh Thế T1, Nguyễn Bá T2, Võ Công S, Vũ Quang T3, Trần Đình T7, Vương Tiến H1, Triệu Bích N, Trần Thị Tổ U, D Thị H2 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an tỉnh N đã ra quyết định xử phạt hành chính; Trần Công M là nhân viên của quán được giao quản lý quán, nhưng không biết việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, nên không đề cập xử lý.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận và đưa ra đề nghị gì trước nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng, các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử xử phạt mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N; Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khẳng định việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa

phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về hình thức, địa điểm, thời gian, số lần giao dịch mua bán ma túy, phù hợp với lời khai người làm chứng và vật chứng thu giữ cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa như: Biên bản kiểm tra hành chính và thu giữ vật chứng; biên bản niêm phong vật chứng; các biên bản kiểm tra điện thoại; các biên bản nhận dạng; sơ đồ bản ảnh; biên bản xác định địa điểm; bản ảnh hiện T1; kết luận giám định số: 75/GĐMT ngày 05/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N. Với các chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 01/01/2018, tại quán Karaoke A thuộc tổ 6, khu 5, phường T14, thành phố P, tỉnh N, Nguyễn Duy K và Lê Văn M đã bán trái phép cho Đinh Thế T1 05 viên thuốc lắc, với giá 2.400.000 đồng, để T1 sử dụng. Tiếp đến, khoảng 01 giờ 30 phút ngày 02/01/2018, tại địa điểm nêu trên, Đặng Tùng D đã bán trái phép cho Nguyễn Quốc V 04 túi ma túy Ketamine, với giá 2.000.000 đồng, để V, T1 và bạn bè sử dụng. Đến 02 giờ cùng ngày, thì bị Công an tỉnh N bắt giữ các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy và thu giữ vật chứng là 0,292 gam Ketamine. Ngoài ra, trước đó từ tháng 11/2017 đến ngày 01/01/2018, tại các khu vực thuộc tổ 7, khu T, phường B; Tổ 5, khu 6C, phường T13 và tổ 3, khu 8, phường T14, thành phố P, tỉnh N, Nguyễn Duy K và Lê Văn M đã 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Đinh Thế T1, mỗi lần 01 túi, với giá từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, để T1 sử dụng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và làm gia tăng các loại tội phạm khác. Ma túy Ketamine và thuốc lắc có mức độ gây hại gấp nhiều lần so với các loại ma túy khác, người sử dụng ma túy Ketamine, thuốc lắc bị tác động trực tiếp làm tổn thương đến não bộ, gây kích thích, phá hủy hệ thần kinh, dẫn con người tới trạng thái hoang tưởng, ảo giác không còn làm chủ được hành vi của mình. Vì vậy nó đang trở thành hiểm họa của toàn xã hội và bị pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo là những người trẻ tuổi, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hiểu được tác hại của ma túy và sự nghiêm cấm của pháp luật đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng coi thường pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo K, M thuộc T1 hợp rất nghiêm trọng, thỏa mãn dấu hiệu và đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” tội dAnh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của BLHS, có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Tùng D thuộc T1 hợp nghiêm trọng, thỏa mãn dấu hiệu và đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội dAnh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS, có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Nội dung luận tội của Kiểm sát viên

phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo D độc lập với hành vi phạm tội của bị cáo K, bị cáo M. Đối với các bị cáo K, M thực hiện hành vi có tính chất đồng phạm. Khi quyết định hình phạt với các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau: K là người tổ chức đồng thời là người thực hành cùng M thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy; tiền có được do bán ma túy, K trực tiếp quản lý, sử dụng và trả công cho M, do đó bị cáo K giữ vai trò chính. Bị cáo M là người thực hành theo sự phân công của bị cáo K, là người giúp sức và được K trả tiền công từ hành vi bán trái phép chất ma túy, vì vậy bị cáo M có vai trò sau bị cáo K.

[4] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS) của các bị cáo thì thấy: Bị cáo K, bị cáo M có nhân thân tốt; Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo K, M không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo D có một tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc T1 hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo M tự nguyện sửa chữa khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật mà cải tạo, giáo dục thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định, nhằm giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới; đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 BLHS, thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nhưng các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[7] Về vật chứng: Đối với số ma túy thu giữ, sau giám định không hoàn lại nên không đề cập; 01 đĩa sứ hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số: 75/GĐMT; 01 thẻ nhựa và 02 ống hút nhựa là vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 Điện thoại SamSung của K ; 01 điện thoại Iphone màu đen của M và 01 điện thoại Iphone lắp sim số: 0942 551 995 của D,

liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu; 1.800.000đồng là tiền bán ma túy và 400.000đồng là tiền thu lời bất chính nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước; 01 Điện thoại Iphone lắp sim số: 0936 978 520 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo D.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Duy K, Lê Văn M và Đặng Tùng D phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s (bị cáo Lê Văn M áp dụng thêm điểm b) khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 7 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 04 tháng 01 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 5 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 04 tháng 01 năm 2018;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Tùng D 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 04 tháng 01 năm 2018.

Áp dụng: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy BA thường vụ Quốc Hội.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì còn nguyên dấu niêm phong số 75/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, 01 (một) thẻ nhựa, 02 (hai) ống hút; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu trắng, kèm 01 sim, 01 (một) chiếc điện thoại Iphone vỏ màu đen, kèm 01 sim, 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, màn hình bị nứt vỡ, model A1522, số IMEI:354389062502926 kèm 01 sim số: 0942551995; số tiền 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng); Trả lại bị cáo Đặng Tùng D 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, màn hình bị nứt vỡ, model A1387 EMC 2430 FCC ID:BCG-E2430A IC:579C-E2430A kèm 01 sim số 0936978520. (Đặc điểm, tình trạng vật chứng được thi hành theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 15/BB - THA, ngày 31/10/2018 giữa Công A thành

phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P và biên lai thu tiền số: 0005931 ngày 27/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Duy K, Lê Văn M, Đặng Tùng D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Các bị cáo;
- Viện KSND thành phố P;
- Viện KSND tỉnh N;
- Cơ quan điều tra, Cơ quan THA hình sự Công an thành phố P; Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Tòa án nhân dân tỉnh N;
- Chi cục THA dân sự Thành phố P;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hiệp